

Số: **116/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 30 - 9 - 2022

(V/việc ly hôn, giao nuôi con).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Xuân Đàm

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phước và ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Chiến, thư ký Toà án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2022 về việc “xin ly hôn và giao quyền nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1983; nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã PS, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: 79/65 khu *, Ấp *, Đ, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh;

- Bị đơn: Anh Hoàng Tăng N (tên khác: Hoàng Tăng N), sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn C, xã PS, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau:

- Theo nguyên đơn, chị Trương Thị T trình bày: Chị T và anh Hoàng Tăng N trên cơ sở yêu nhau tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã PS, huyện Phong Điền theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 05 tháng 3 năm 2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc và sống hạnh phúc cùng con gái là Hoàng Thị Thủy T1, sinh này 21/8/2007. Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng, nguyên nhân là do anh N thường xuyên dùng bia rượu rồi vô cớ gây sự, chửi mắng, nhục mạ vợ con. Ban đầu chị chị

T cũng đã thông cảm và cho anh N nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh N vẫn không thay đổi. Chị T cũng đã báo với bố mẹ anh N để nhờ gia đình giúp đỡ nhưng không có kết quả.

Do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không tháo gỡ được nên cuối năm 2020, chị T đưa con gái trở về quê sinh sống, đến khi hết giãn cách xã hội để phòng dịch thì chị T gửi con cho ông bà ngoại chăm sóc để trở lại thành phố Hồ Chí Minh làm việc và cũng từ cuối năm 2020 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Sau thời gian sống ly thân, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn và không thể hàn gắn được nên đã nộp đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh Hoàng Tăng N.

Về con, chị T trình bày: Vợ chồng có một con chung là cháu Hoàng Thị Thuý T1, sinh ngày 21/8/2007 hiện đang ở với mẹ. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con đến trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung: Chị T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn - Anh Hoàng Tăng N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh N thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần theo quy định tại điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh N đều vắng mặt không rõ lý do nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Do anh N vắng mặt nên Tòa án tiến hành xác minh và được Công an xã PS cung cấp: Anh Hoàng Tăng N hiện còn đăng ký hộ khẩu thường trú ở thôn Cổ Bi, xã PS, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh N đã vào Thành phố Hồ Chí Minh làm việc nên không có mặt tại địa phương. Do anh N không đăng ký tạm vắng nên không biết được cụ thể hiện nay anh N làm gì và ở đâu nhưng thỉnh thoảng anh N có về thăm bố mẹ. Ngoài ra Công an xã PS còn xác nhận: Anh Hoàng Tăng (N) trong giấy chứng nhận kết hôn với chị Trương Thị T, trong giấy khai sinh của cháu Hoàng Thị Thuý T1 và Hoàng Tăng (N) trong giấy chứng minh nhân dân là một người.

Theo bà Lê Thị P là mẹ của anh N cho biết: Anh N đã vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, bà đã báo cho anh N biết về Tòa án giải quyết việc chị T xin ly hôn nhưng anh N bận không về được. N còn nói “nếu mình không về thì Tòa án vẫn giải quyết”. Bà P cho biết thêm: Anh N và chị T không còn ở với nhau đã lâu rồi vì anh N cũng muốn ly hôn nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập anh Hoàng Tăng N tham gia phiên tòa tại nơi ở của bị đơn, tại trụ sở UBND xã PS và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền. Nhưng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tòa án tiếp tục niêm yết cho bị đơn thủ tục tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Hoàng Tăng N và yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu T1 đến trưởng thành. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung, chị T không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vấn đề gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn là chị Trương Thị T xin được ly hôn với anh Hoàng Tăng N và xin được quyền trực tiếp nuôi cháu Hoàng Thị Thúy T1 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Các vấn đề khác, đương sự không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được kiểm tra thẩm vấn công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị T và anh Hoàng Tăng N được UBND xã PS đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp; vì vậy, chị T có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình. Mặt khác, vợ chồng đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã PS, huyện Phong Điền nên việc Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc anh N là bị đơn, đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải hai lần theo quy định tại Điều 179 của bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh N đều vắng mặt không rõ lý do và Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh N quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất nhưng anh N vắng mặt không rõ lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ cho anh N thủ tục tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh N vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Chị T xin ly hôn vì anh N hay dùng bia rượu rồi vô cớ gây sự, chửi mắng, nhục mạ vợ con. Chị T cũng đã chịu đựng một thời gian dài và cũng đã nhờ bố mẹ chồng giúp đỡ nhưng anh N

không thay đổi. Do mâu thuẫn bất đồng vẫn không tháo gỡ được nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa.

Mặt khác, việc chị T khởi kiện xin ly hôn thì anh N đã biết nhưng anh N không phản đối mà bỏ mặc. Qua đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh N là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, chị T xác nhận: Vợ chồng có một con là cháu Trần Thị Thuý T1, sinh ngày 21/8/2007 hiện đang ở với mẹ. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con đến trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng; Nhận thấy:

Về quyền trực tiếp nuôi con thì cả bố và mẹ đều có quyền trực tiếp nuôi con như nhau. Tuy nhiên, người muốn nuôi con phải có đơn yêu cầu, nếu con đã đủ 7 tuổi muốn giao cho bên nào nuôi phải hỏi nguyện vọng của con, trên cơ sở phải xem xét điều kiện và khả năng của mỗi bên có đảm bảo quyền lợi của con được phát triển toàn diện về mọi mặt hay không thì mới giao quyền nuôi con.

Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Tăng N đã biết việc chị T yêu cầu được giao quyền trực tiếp nuôi con nhưng anh N không có ý kiến gì và cũng không phản đối, chứng tỏ anh N đã từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Mặt khác, cháu T1 cũng đã trình bày nguyện vọng là muốn được ở với mẹ. Vì vậy, xét yêu cầu của chị T “được giao quyền trực tiếp nuôi con” là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng không xem xét.

Về Tài sản chung, nợ chung: Đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng không đề cập.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 179; Điều 207, 208; Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trương Thị T với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn với anh Hoàng Tăng N.

2. Về con chung: Giao cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Thị Thuý T1, sinh ngày 21/8/2007 kể từ ngày tuyên án cho đến khi con đủ 18 tuổi;

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng không xem xét.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đề cập.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng).

Chị Trương thị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000.đ theo phiếu thu số 0001944 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền nên được khấu trừ là đủ không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với người vắng mặt thì kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã PS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Xuân Đàm